

Số: ~~27~~ /2019/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày ~~19~~ tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về cơ chế, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hải Phòng chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Xét Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 21/6/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về Đề án cơ chế, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hải Phòng chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về cơ chế, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hải Phòng chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; cụ thể như sau:

1. Đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 6 Điều 2 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh



giảm biên chế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 108/2014/NĐ-CP) nếu được hưởng chính sách quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và khoản 7 Điều 1 Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 113/2014/NĐ-CP) thì được hỗ trợ thêm từ nguồn ngân sách thành phố như sau:

- Được hỗ trợ thêm 03 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định;

- Được hỗ trợ thêm 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho 20 năm đầu công tác có đóng đủ bảo hiểm xã hội;

- Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được hỗ trợ 1/2 (một nửa) tháng tiền lương hiện hưởng.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 6 Điều 2 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP nếu được hưởng chính sách quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, thì được hỗ trợ thêm từ nguồn ngân sách thành phố như sau:

- Được hỗ trợ thêm 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm;

- Được hỗ trợ thêm 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

3. Đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy quản lý tự nguyện xin nghỉ công tác trước tuổi (nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc không thuộc diện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP): Căn cứ vào độ tuổi theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và thời gian tham gia công tác tại cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể có đóng bảo hiểm xã hội theo quy định thì được hưởng hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp không được hưởng chính sách quy định tại Nghị quyết này: Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này mà tại thời điểm sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc xét tinh giản biên chế đã có thông báo nghỉ hưu hoặc quyết định nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Nguồn kinh phí chi trả chế độ, chính sách là nguồn ngân sách địa phương, nguồn kinh phí hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập và thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và khoản 9 Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP; Điều 10, 11, 12, 13 Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết; hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức giám sát, kịp thời đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 18/7/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/8/2019.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
- Cục Kiểm tra VB QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn đại biểu Quốc hội HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XV;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH HP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các quận ủy, huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận/huyện;
- CVP, các PCVP HĐND TP;
- Báo HP; Đài PT&TH HP;
- Công báo TP; Cổng TTĐTTP (để đăng);
- Các CV VP HĐND TP;
- Lưu: VT, Hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Thành